

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng  
Công trình: Sửa chữa đường Suối Tre - Bình lộc (Đoạn từ Km0+000 đến  
Km1+500, đoạn từ Km5+000 đến Km8+700), thành phố Long Khánh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4290/TTr-SGTVT ngày 14 tháng 7 năm 2020 kèm Thông báo kết quả thẩm định số 07/QLGT-KQTD ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Sở Giao thông vận tải.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa đường Suối Tre - Bình lộc (Đoạn từ Km0+000 đến Km1+500, đoạn từ Km5+000 đến Km8+700), thành phố Long Khánh.

2. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai.

3. Mục tiêu đầu tư: Khắc phục tình trạng xuống cấp nền mặt đường, đảm bảo an toàn giao thông, phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa; đảm bảo an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

4. Quy mô đầu tư: Dự án nhóm C.

- Đầu tư sửa chữa nền mặt đường trong phạm vi tuyến hiện hữu, không mở rộng hay cải tạo nắn tuyến. Việc sửa chữa đoạn tuyến được thiết kế theo quy mô như sau:

- + Quy mô công trình : Sửa chữa mặt đường;
- + Cấp đường : Đường cấp IV - Đồng bằng;
- + Mặt cắt ngang : Mặt đường rộng 6,0m; Lề đường 1,5m x 2;
- + Phạm vi công trình: Km0+000 đến Km1+500, đoạn từ Km5+000 đến Km8+700;

- Tổng chiều dài sửa chữa mặt đường là: 5.200m

5. Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty Cổ phần Tư vấn & Đầu tư Xây dựng Nam Hưng Thịnh. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: Ông Võ Văn Thân; Chủ nhiệm khảo sát địa hình: Ông Phạm Văn Thành; Chủ trì lập dự toán: Ông Nguyễn Tấn Bình.

6. Đơn vị thẩm tra báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty Cổ phần Long Bình Mê Kông.

7. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054:2005; Quy trình thiết kế áo đường mềm 22TCN 211-2006; Công tác đất - Thi công và nghiệm thu TCVN 4447:2012; Mặt đường bê tông nhựa nóng - yêu cầu thi công và nghiệm thu TCVN 8819:2011; Quy trình thi công và nghiệm thu mặt đường đá dăm nước TCVN 9504:2012; Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; Các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm hiện hành có liên quan.

8. Địa điểm xây dựng: thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

9. Giải phóng mặt bằng: Dự án không giải phóng mặt bằng.

10. Loại, cấp công trình: công trình giao thông, cấp IV.

11. Số bước thiết kế: 01 bước.

12. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

a) Thiết kế nền, mặt đường:

- Đối với vị trí mặt đường bị ổ gà, rạn nứt, lún dọc cục bộ:

+ Đào bỏ kết cấu cũ, đào trung bình 66cm;

+ Trãi cán lớp đất sỏi đỏ dày 30cm sau khi nén, độ chặt  $K \geq 0,98$ ;

+ Trãi cán lớp đá dăm macadam dày 30cm sau khi nén: Chia làm hai lớp, mỗi lớp dày 15cm, tạo độ dốc ngang mặt đường, cao độ mặt đá sau khi hoàn thiện thấp hơn cao độ thiết kế là 6cm;

+ Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1,0 kg/m<sup>2</sup>;

+ Thảm BTNN C12,5 dày 6cm đến cao độ mặt đường hiện hữu.

+ Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m<sup>2</sup>;

- + Thảm BTNN C12,5 dày 3cm đến cao độ thiết kế.
- Đối với vị trí mặt đường bị ổ gà, rạn nứt, lún dọc toàn mặt cắt hoặc ½ mặt cắt:
  - + Đào bỏ kết cấu cũ, đào trung bình 63cm;
  - + Trải cán lớp đất sỏi đỏ dày 30cm sau khi nén, độ chặt  $K \geq 0,98$ , tạo độ dốc ngang mặt đường;
  - + Trải cán lớp đá dăm macadam dày 30cm sau khi nén: Chia làm hai lớp, mỗi lớp dày 15cm, tạo độ dốc ngang mặt đường, cao độ mặt đá sau khi hoàn thiện thấp hơn cao độ thiết kế là 6cm;
  - + Tưới nhựa thấm bảm tiêu chuẩn nhựa 1,0 kg/m<sup>2</sup>;
  - + Thảm BTNN C12,5 dày 6cm đến cao độ thiết kế.
- Đối với vị trí mặt đường bị nứt dọc, nứt chân chim, lão hóa bong tróc nhựa ½ mặt cắt và các đoạn toàn mặt cắt có chiều dài cần cào bóc  $\leq 20m$ :
  - + Cào bóc lớp mặt BTN hiện hữu dày 6cm;
  - + Vệ sinh mặt đường cũ;
  - + Tưới nhựa thấm bảm tiêu chuẩn 1,0kg/m<sup>2</sup>;
  - + Thảm BTNN C12,5 dày 6cm đến cao độ mặt đường hiện hữu;
  - + Tưới nhựa dính bảm tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m<sup>2</sup>;
  - + Bù vênh bằng BTNN C12,5 đạt độ dốc ngang và cao độ thiết kế;
  - + Thảm BTNN C12,5 dày 3cm đến cao độ thiết kế.
- Đối với vị trí mặt đường bị nứt dọc, nứt chân chim, lão hóa bong tróc nhựa toàn mặt cắt có chiều dài cần cào bóc  $> 20m$ :
  - + Cào bóc lớp mặt BTN hiện hữu dày 6cm;
  - + Vệ sinh mặt đường cũ;
  - + Tưới nhựa thấm bảm tiêu chuẩn 1,0kg/m<sup>2</sup>;
  - + Bù vênh bằng BTNN C12,5 đạt độ dốc ngang và cao độ thiết kế;
  - + Thảm BTNN C12,5 dày 6cm đến cao độ mặt đường hiện hữu;
- Vuốt nối BTNN C12,5 hai đầu đoạn cào bóc toàn bộ mặt đường, chiều dài vuốt 5m, chiều dày vuốt 3cm để tạo sự êm thuận.
- Đối với vị trí thảm BTN mặt đường toàn tuyến (trừ các vị trí mặt đường bị hư hỏng):
  - + Vệ sinh mặt đường hiện hữu;
  - + Tưới nhựa dính bảm tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>;
  - + Bù vênh bằng BTNN C12,5 đạt độ dốc ngang thiết kế và cao độ thấp hơn cao độ thiết kế 3cm;
  - + Thảm BTNN C12,5 dày 3cm đến cao độ thiết kế.
- Đối với vị trí mặt đường giao với đường nhựa

+ Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m<sup>2</sup>;

+ Thảm BTNN C12,5 dày trung bình 3cm.

Tại các vị trí tiếp giáp giữa mặt đường mới và mặt đường cũ phải vuốt nối giáp mí tạo độ êm thuận cho mặt đường.

b. Thiết kế lề đường: Đắp đất cấp III lề đường trên toàn tuyến (tận dụng đất đào chọn lọc), lu lèn  $K \geq 0,95$ . Độ dốc 4%;

c. Thiết kế sơn kẻ tim đường theo quy chuẩn QCVN41:2019/BGTVT

+ Vạch 1.1: Vạch phân chia 2 chiều xe chạy (vạch tim đường), dạng vạch đơn, đứt nét, màu vàng, bề rộng vạch 15cm, dày 2mm, tỷ lệ  $L1/L2 = 1:2$ , đoạn liền nét,  $L1 = 1m$ , đoạn nét đứt,  $L2 = 2m$ ;

+ Vạch 1.2: Vạch phân chia 2 chiều xe chạy, dạng vạch đơn, nét liền, màu vàng dùng trong đường cong, khu vực nguy hiểm cấm vượt, bề rộng vạch 15cm, dày 2mm;

+ Vạch 7.3: Vạch đi bộ qua đường. Là các vạch đậm liền song song màu trắng. Kích thước 1 vạch dài 3m, bề rộng vạch 40cm, dày vạch sơn 2mm, khoảng cách giữa 2 vạch liền tiếp là 60cm;

+ Vạch giảm tốc độ: Gò giảm tốc, màu vàng, bề rộng vạch 20cm, dày 6mm, được bố trí dạng cụm (nhiều vạch đơn), khoảng cách giữa hai vạch liền tiếp là 40cm.

13. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **9.176.822.000** đồng. (Bằng chữ: *Chín tỷ, một trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng*). Trong đó:

Chi phí xây dựng	7.33.754.615	đồng
Chi phí thiết bị	0	đồng
Chi phí quản lý dự án	215.319.037	đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	730.739.896	đồng
Chi phí khác	110.413.228	đồng
Chi phí dự phòng	786.594.885	đồng
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.176.821.697</b>	<b>đồng</b>
<b>Làm tròn</b>	<b>9.176.822.000</b>	<b>đồng</b>

(Bảng phụ lục chi tiết kèm theo)

14. Nguồn vốn đầu tư: Vốn sự nghiệp giao thông.

15. Hình thức Quản lý dự án: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

16. Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2021.

17. Phương thức tổ chức đầu tư: Đấu thầu.

18. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Tổ chức kiểm tra, rà soát lại khối lượng, dự toán và bản vẽ thiết kế thi công để làm cơ sở phê duyệt giá gói thầu xây lắp.

b) Đối với các công việc sử dụng định mức đơn giá tạm tính, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập định mức hoặc vận dụng định mức để xác định đơn giá xây dựng. Đối với giá vật tư, khi xác định dự toán gói thầu, chủ đầu tư có trách nhiệm xác định giá vật tư phù hợp mặt bằng giá thị trường khu vực xây dựng công trình, để xác định dự toán gói thầu phù hợp quy định hiện hành.

c) Sử dụng phân dự phòng phí đúng mục đích, tránh trường hợp đề nghị phát sinh công việc hoặc tăng thêm hạng mục công trình để sử dụng dự phòng phí.

d) Tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý dự án, quản lý chi phí, quản lý chất lượng.

đ) Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trong hồ sơ trình thẩm định theo quy định của pháp luật.

e) Trong quá trình thực hiện, đề nghị chủ đầu tư phải thực hiện đúng theo nội dung hồ sơ thiết kế được duyệt, chấp hành các quy định của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình, bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Chủ tịch UBND thành phố Long Khánh, Kho bạc nhà nước tỉnh và thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng KTN;
- Lưu: VT, KTN (Sơn)

07-15

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Hùng**

**Phụ lục**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020  
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG CHI PHÍ</b>	<b>THÀNH TIỀN (đồng)</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>7.333.754.651</b>
<b>2</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>215.319.037</b>
<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>730.739.896</b>
	- Chi phí khảo sát	210.350.000
	- Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	203.511.692
	- Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	12.467.382
	- Chi phí thẩm tra dự toán công trình	12.174.032
	- Chi phí lập hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp	6.667.050
	- Chi phí đánh giá hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp	6.667.050
	- Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp	3.666.878
	- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	3.666.878
	- Chi phí giám sát thi công xây dựng	234.900.161
	- Chi phí thẩm tra an toàn giao thông	36.668.773
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>110.413.228</b>
	- Phí thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật	1.743.596
	- Phí thẩm định thiết kế (QLNN)	2.180.125
	- Phí thẩm định dự toán (QLNN)	2.120.122
	- Chi phí bảo hiểm công trình xây dựng	19.801.137
	- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	37.588.216
	- Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng	46.980.032
<b>5</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>786.594.885</b>
	- Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	419.511.341
	- Dự phòng cho yếu tố trượt giá	367.083.544
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9.176.821.697</b>
	<b>Làm tròn</b>	<b>9.176.822.000</b>

